TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2023/DS-ST
Ngày 22-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liễng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Anh, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1981; địa chỉ: A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Dương Hữu T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số A, đường B, khu phố C, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu P; địa chỉ: Số G, đường P, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, ngày 6/7/2022 bà Nguyễn Ngọc G cho bà Nguyễn Thị Thu P vay số tiền 5.000.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng. Tính đến ngày 30/10/2022, bà P đã trả cho bà G 3.700.000.000 đồng nợ gốc, số tiền còn nợ lại là 1.300.000.000 đồng. Bà G nhiều lần yêu cầu bà P trả nợ, nhưng bà P không trả.

Nay bà G yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thu P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc G khoản nợ gốc 1.300.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 30/10/2022 đến ngày xét xử là 10 tháng 22 ngày x 1.300.000.000 đồng x 10%/năm = 114.684.000 đồng.

- *Bị đơn bà* Nguyễn Thị Thu P *vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp tài liệu chứng cứ, cũng như không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào kết quả xác minh ngày 19/7/2023 của Công an phường T thì bà Nguyễn Thị Thu P có đăng ký thường trú tại số G, P, khu phố Đ,

phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương nhưng không sinh sống tại địa chỉ trên. Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 06/7/2022 thì bà P cung cấp địa chỉ như trên, quá trình tố tụng nguyên đơn xác định ngoài địa chỉ trên nguyên đơn không còn địa chỉ nào để cung cấp cho Tòa án. Như vậy, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ đúng như trong hợp đồng vay tiền cho Tòa án, trong trường hợp này xác định bị đơn thay đổi nơi cư trú được xem như đã cố tình giấu địa chỉ, do đó Tòa án thực hiện việc tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn tại địa chỉ như trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã cung cấp. Hình thức tống đạt là đăng báo trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án thông báo tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng, bị đơn được Tòa án triệu tập bằng hình thức niêm yết và đăng báo nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, cũng như không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dựa trên các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 06/7/2022 do nguyên đơn cung cấp có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch vay tiền, loại hợp đồng vay có thời hạn theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự. Nguyên đơn xác định sau khi vay thì bị đơn đã trả được 3.700.000.000 đồng nợ gốc và không thanh toán nữa. Sau đó, từ ngày 30/10/2022 đến nay mặc dù nguyên đơn nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không trả hết khoản nợ gốc. Nguyên đơn căn cứ vào giấy thỏa thuận vay tiền trên để yêu cầu bị đơn trả nợ. Xét quá trình tố tụng, bị đơn không có ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu P trả khoản nợ gốc 1.300.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thấy rằng: Mặc dù trong giấy thỏa thuận ngày 06/7/2022 không thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên theo trình bày của nguyên đơn thì đây là hợp đồng vay tài sản có lãi suất và kể từ thời điểm vi phạm ngày 30/10/2022 đến nay, bị đơn không trả nợ gốc cũng như lãi cho nguyên đơn. Bị đơn không có ý kiến gì về khoản lãi, tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định yêu cầu bị đơn trả khoản lãi quá hạn đến thời điểm xét xử với mức lãi suất là 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc G đối với bà Nguyễn Thị Thu P về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thu P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc G khoản nợ theo giấy vay tiền ngày 06/7/2022 là 1.414.684.000 (một tỷ bốn trăm mười bốn triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn) đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng.

+ Nợ lãi: 114.684.000 (một trăm mười bốn triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày 23/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu P phải nộp 54.440.520 (năm mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi nghìn năm trăm hai mươi) đồng. Trả lại cho bà Nguyễn Ngọc G 29.244.000 (hai mươi chín triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006689 ngày 13/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHA DS thành phố D (01);
- Đương sự (04);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Liễng